

Bản án số: 21/2019/HSST
Ngày: 29/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Luân Văn Lý
2. Bà Vũ Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HS ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Thị Thu H, tên gọi khác: không; sinh ngày 27/12/1979; nơi sinh: thành phố C; hộ khẩu thường trú: tổ S, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở hiện nay: tổ S, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; dân tộc: tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không nghề; trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; con ông: Hoàng Văn C, sinh năm 1945 (chết 2015); con bà: Viên Thị L, sinh năm 1949, trú tại: tổ S, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; anh, chị, em ruột: có 04 anh chị em, bị cáo là con út; chồng: Nông Duy K, sinh năm 1982 (đã ly hôn năm 2015); con: có 01 con sinh năm 2007; tiền sự: không; tiền án: không; có mặt.

Người có quyền lợi liên quan:

1. Đoàn Thị M - sinh năm 1971; trú tại: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Vũ Văn P - sinh năm 1960; trú tại: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3. La Xuân N - sinh năm 1961; trú tại: tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt khi tuyên án.

Người làm chứng:

1. Chi cục thuế thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: 10S đường H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện tham gia tố tụng: Bà Nông Thị Lê N - Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Hà Minh H - sinh năm 1987; trú tại: tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3. Vũ Thị Tú A - sinh năm 1986; trú tại: tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2017 bà Đoàn Thị M (sinh 1971, trú tại tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) mua với ông Hoàng D (sinh 1949, trú tại tổ B, phường Đ, thành phố C) một mảnh đất nông nghiệp 400m² tại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 443237 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 09/12/1999 thửa đất số 259; 260; 261, tờ bản đồ số 06; địa chỉ đất tại tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng và hai bên có thỏa thuận người mua tự làm thủ tục giấy tờ chuyển quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nên bà M đã nhờ Hoàng Thị Thu H làm thủ tục mua bán và chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị với 03 thửa đất bà M mua với ông D. H nhất trí. Đến tháng 09/2017 nhận được thông báo nộp thuế tiền sử dụng đất của Chi cục thuế thành phố Cao Bằng đối với 03 thửa đất trên với số tiền là: 253.356.000đ (hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Ngày 27/9/2017, bà M và H đến Ngân hàng TMCP C chi nhánh Cao Bằng nộp tiền, bà M đưa cho H số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và ký vào giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước đưa cho H để H bù thêm số tiền 153.356.000đ để nộp tiền (vì 02 người đã thỏa thuận trước số tiền còn lại bà M sẽ đưa cho H sau). Trong khi chờ đến lượt nộp tiền, H xem lại hồ sơ thấy không hợp lý, vì vị trí chuyển đổi không đúng (H đã từng làm việc tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C nên biết), nên đã đem hồ sơ quay lại bộ phận một cửa của Phòng tài nguyên môi trường thành phố C để xin đính chính hồ sơ vị trí chuyển đổi gần đường (việc này H không thông báo cho ông Hoàng D và bà Đoàn Thị M biết vì nghĩ sẽ đính chính hồ sơ được ngay). Số tiền còn thiếu sau này bà M đã đưa đủ cho H. H đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Đến cuối tháng 05/2018 H nhận được hồ sơ của ông Hoàng D đã đính chính xong bao gồm 03 quyết định: quyết định 1013 ngày 18/5/2018 đối với thửa đất số 259; quyết định 1005 ngày 17/5/2018 đối với thửa số 260; quyết định số 1015 ngày 18/05/2018 đối với thửa số 261. Với tổng tiền phải nộp là 213.954.450đ (hai trăm mười ba triệu chín trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng). H chuyển 03 bộ hồ sơ đến Chi cục thuế thành phố C làm thủ tục kê khai nộp thuế. Đến đầu tháng 07/2018 H nhận được thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế. Do chưa có tiền nộp nên ngày 15/7/2018 H đã làm

giả 03 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước đều nghị ngày 16/7/2018 bằng cách: Lấy tờ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước có sẵn tự điền thông tin vào giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo thông báo nộp tiền của Chi cục thuế thành phố, sau đó lấy bản phô tô giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước đã có sẵn, cắt lấy phần dấu đã thu tiền và cắt phần dấu và chữ ký của kế toán Ngân hàng TMCP C chi nhánh Cao Bằng dán vào giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước vừa điền thông tin, rồi đi phô tô mang đến Chi cục thuế lấy hồ sơ mang lên bộ phận một cửa của Phòng tài nguyên môi trường thành phố Cao Bằng để nộp và rút toàn bộ hồ sơ nộp tại bộ phận một cửa của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Cao Bằng để làm thủ tục chuyển đổi mục đích trên giấy chứng nhận của ông Hoàng D.

Đến giữa tháng 07/2018 bà Đoàn Thị M gọi điện thoại cho H nhiều lần hỏi về việc bà nhờ hoàn thiện hồ sơ sao lâu chưa được. Do chưa có tiền nộp vào ngân sách nhà nước và trước sự đốc thúc của bà M nên H đã lấy giấy nộp tiền ngày 27/9/2017 của bà M ký trước đó chưa nộp tiền H giữ để nhà mang ra điền thông tin và cắt dán với hình thức như trên được một giấy nộp tiền giả ghi số tiền 253.356.000đ và đưa cho bà M nói là đã nộp tiền và chờ làm thủ tục.

Trong khoảng thời gian chờ lấy hồ sơ của ông Hoàng D, H đã tiếp tục làm 03 bộ hồ sơ chuyển đổi mục đích đất như sau:

Bộ thứ nhất: vào khoảng tháng 5/2018, ông Vũ Văn P (sinh 1960, trú tại tổ B, phường S, thành phố C) nhờ H đến Chi cục thuế thành phố C để làm thủ tục kê khai tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ông P đưa cho H phiếu chuyển đổi thông tin và Quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất số 952, ngày 14/5/2018 của UBND thành phố C về việc cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất ở đô thị tổng số 150 m² tại thửa đất số 252a và 253a tờ bản đồ số C, địa chỉ đất tại tổ T, phường S, thành phố C (vì ông P nói với H là ông mất kém nên nhờ làm giúp, không hứa hẹn trả công do có mối quan hệ quen biết từ trước). H nhất trí đến Chi cục thuế thành phố C kê khai và nộp hồ sơ. Hai bên thỏa thuận H ứng tiền ra nộp cho ông P trước, ông P trả lại tiền cho H sau. Đến ngày 06/6/2018 thì nhận thông báo nộp tiền sử dụng đất với số tiền phải nộp là 66.420.000đ (sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). H đến lấy thông báo, do chưa có tiền nộp nên đã ra quán nước giải khát ở tổ B, phường S, thành phố C; lấy một tờ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước có sẵn mang theo và tự điền thông tin và cắt, dán làm giấy nộp tiền giả như trên nghị ngày 06/6/2018 rồi đi phô tô mang đến Chi cục thuế thành phố C lấy hồ sơ mang đến bộ phận một cửa của Phòng Tài nguyên môi trường thành phố C nộp để rút toàn bộ hồ sơ mang đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C nộp hoàn thành thủ tục. Sau đó, H đem Giấy nộp tiền nghị ngày 06/6/2018 đến nhà đưa cho ông P và ông P đưa lại cho H số tiền 66.420.000đ (sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Cao Bằng đã ký xác nhận chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất ở đô thị và đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn P.

Bộ thứ hai: đầu năm 2018 ông La Xuân N (sinh 1961, trú tại tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) nhờ H đi làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở đô thị, giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số 00620 do UBND huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 09/12/1999 chuyển đổi mục đích sử dụng đất với diện tích là 160m². Sau khi nhận được hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất. H chuyển hồ sơ đến Chi cục thuế thành phố C kê khai nộp thuế. Đến ngày 20/6/2018 thì nhận thông báo nộp tiền sử dụng đất với số tiền phải nộp là 87.360.000đ.

Vụ thứ ba: tháng 4/2018 bị cáo Hoàng Thị Thu H mua đất nông nghiệp với ông Hoàng Văn L và vợ Hoàng Thị L (trú tại tổ S, Phường Đ, thành phố C) diện tích là 73,6m² với giá cả thỏa thuận. Hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, H nộp hồ sơ đến bộ phận 01 cửa của Phòng tài nguyên môi trường thành phố C để chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở. Đến đầu tháng 6/2018 nhận được hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, H mang đến Chi cục thuế thành phố C làm thủ tục kê khai nộp thuế, đến ngày 11/6/2018 nhận thông báo nộp tiền sử dụng đất số tiền 56.120.000đ (năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Do chưa có tiền nộp nên ngày 15/7/2018 H tiếp tục làm thêm 02 tờ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước giả với hình thức như trên đều ghi ngày 16/7/2018, người nộp là La Xuân N, Hoàng Thị Thu H. Đến chiều ngày 16/7/2018 H đến Chi cục thuế thành phố C nộp 02 tờ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước giả lấy hồ sơ. Bộ hồ sơ của ông La Xuân N H đưa cho ông N giữ, còn bộ của H vẫn để ở nhà.

Sau khi chuẩn bị được tiền H đã đi nộp tiền vào Ngân sách nhà nước cụ thể:

Ngày 17,18/7/2018 và ngày 06/8/2018 H đã đến Ngân hàng TMCP C chi nhánh Cao Bằng nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với 03 bộ hồ sơ của ông D với tổng số tiền là 213.954.450đ (hai trăm mười ba triệu chín trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng); và hồ sơ của ông Vũ Văn P với số tiền 66.420.000đ (sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền bà M đưa cho H còn thừa H đã trả lại đầy đủ cho bà M.

Ngày 27/7/2018 H gọi điện thoại cho ông N để đưa tiền cho ông N đi nộp thuế (do H và ông N thỏa thuận H bỏ tiền ra trước, ông N sẽ trả H sau), cùng ngày ông N đến Ngân hàng TMCP C chi nhánh Cao Bằng nộp 87.451.728đ (tám mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi một nghìn bảy trăm hai tám đồng). Vài ngày sau đó, ông N đã trả lại cho H số tiền 87.451.728đ.

Đối với hồ sơ của Hoàng Thị Thu H: ngày 24/12/2018 bị cáo H chuẩn bị được tiền nên đã nộp số tiền 56.120.000đ vào ngân sách nhà nước.

Hành vi làm giả 07 tờ giấy tiền nộp vào ngân sách nhà nước của Hoàng Thị Thu H (trong đó có 01 tờ đưa cho bà M; 06 tờ cho vào 06 bộ hồ sơ) đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại bản Cáo trạng số 105/CT-VKSTP ngày 30/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Hoàng Thị Thu H về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" được quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thị Thu H thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của người có quyền lợi liên quan, lời khai của người làm chứng. Bị cáo khẳng định 07 giấy nộp tiền trên là giả và do một mình bị cáo làm ra. Tại thời điểm làm giấy nộp tiền giả bị cáo đã lỡ tiêu hết tiền nên không có tiền nộp ngay, bị cáo sợ hết hạn nộp tiền nên mới làm giấy nộp tiền giả, bản thân bị cáo hoàn toàn không có ý thức chiếm đoạt tiền của những người liên quan trong vụ án vì bị cáo biết khi cơ quan thuế tra soát các khoản thu nộp với cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng sẽ phát hiện ra ngay. Về vật chứng của vụ án: hồ sơ của Hoàng Thị Thu H bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng thu giữ, H đề nghị được trả lại.

Ông Vũ Văn P, bà Đoàn Thị M và người làm chứng Hà Minh H, Vũ Thị Tú A đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông La Xuân N xác nhận lời khai của bị cáo H tại phiên tòa là đúng, ông xác nhận việc bị cáo đưa cho ông số tiền 87.451.728đ vào ngày 27/7/2018 để ông đi nộp thuế, do lúc nộp thuế ông chưa chuẩn bị được tiền, số tiền này ông đã trả lại đầy đủ cho bị cáo H.

Bà Nông Thị Lê N cho biết theo quy định của pháp luật cơ quan thuế có trách nhiệm tra soát các khoản thu nộp ngân sách nhà nước như bị cáo H trình bày, nếu có khoản nào không nộp thì sẽ phát hiện ra. Số tiền ghi trên các giấy nộp tiền không có trên hệ thống nên khẳng định 07 giấy nộp tiền này là giả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm b, h, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Thu H phạm tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*". Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thu H 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về xử lý vật chứng: trả lại hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất của Hoàng Thị Thu H cho bị cáo.

Tại phần tranh luận, bị cáo, ông La Xuân N không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đến cuối tháng 7/2018 Hoàng Thị Thu H đã làm giả 07 tờ giấy tiền nộp vào ngân sách nhà nước bằng hình thức lấy một tờ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước có sẵn tự điền thông tin vào giấy nộp tiền, sau đó lấy bản phô tô giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước đã có sẵn, cắt lấy phần dấu đã thu tiền và cắt lấy dấu và chữ ký của kế toán Ngân hàng TMCP C Chi nhánh Cao Bằng dán vào giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước H vừa điền thông tin, sau đó đi phô tô thành giấy nộp tiền giả, cụ thể:

- 01 giấy tờ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ghi ngày 27/9/2017 người nộp Hoàng D, địa chỉ tổ B, phường Đ, thành phố C, số tiền nộp 253.356.000đ (hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

- 01 giấy tờ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ghi ngày 06/6/2018 người nộp Vũ Văn P - Phùng Thị H, địa chỉ tổ B, phường S, thành phố C số tiền nộp 66.420.000đ (sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

- 03 giấy tờ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước đều ghi ngày 16/7/2018 người nộp Hoàng D, địa chỉ tổ B, phường Đ, thành phố C, tổng số tiền nộp của 3 giấy nộp tiền là 213.954.450đ (hai trăm mười ba triệu chín trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

- 01 giấy tờ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ghi ngày 16/7/2018 người nộp La Xuân N, địa chỉ tổ M, phường Đ, thành phố C, số tiền phải nộp là 87.360.000đ (tám mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

- 01 giấy tờ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ghi ngày 16/7/2018 người nộp Hoàng Thị Thu H, địa chỉ tổ S, phường Đ, thành phố C, số tiền nộp là 56.120.000đ (năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Bị cáo Hoàng Thị Thu H đã mang 04 bộ hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố C để hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, trong đó 03 bộ của ông Hoàng D, 01 bộ của ông Vũ Văn P, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố C đã ký xác nhận chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất ở đô thị.

Sau khi chuẩn bị được tiền từ ngày 17/7/2018 đến ngày 06/8/2018 H đã đến Ngân hàng TMCP C Chi nhánh Cao Bằng nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với 03 bộ hồ sơ của ông Hoàng D và 01 hồ sơ của ông Vũ Văn P.

Còn 01 bộ hồ sơ của ông La Xuân N sau khi lấy hồ sơ từ Chi cục thuế thành phố C, H đưa lại hồ sơ cho ông N, đến ngày 27/7/2018 H đưa cho ông N

số tiền 87.451.728 đồng để ông N đi nộp thuế. Số tiền này ông N đã trả lại cho H.

Hồ sơ của Hoàng Thị Thu H, sau khi rút hồ sơ từ Chi cục Thuế thành phố C, do chưa có tiền nộp thuế nên H để hồ sơ ở nhà, đến ngày 24/12/2018 H chuẩn bị được tiền nên đã nộp số tiền 56.120.000đ vào ngân sách nhà nước.

Hành vi của bị cáo xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về tài liệu. Bị cáo có trình độ học vấn lớp 12/12 phổ thông, là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết định khung: bị cáo làm 07 giấy nộp tiền giả nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, khi bị phát hiện hành vi phạm tội bị cáo đã chủ động khai ra các giấy nộp tiền giả, mặc dù sau khi rà soát cơ quan thuế chưa phát hiện ra giấy nộp tiền giả trong hồ sơ ông Vũ Văn P nhưng bị cáo đã tự nguyện khai báo, do đó bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có mẹ đẻ là Viên Thị L được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng II nên bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về tài liệu. Do đó, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: hành vi làm 07 giấy nộp tiền giả của bị cáo đã bị áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội từ 2 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo hoàn toàn phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Hành vi làm 07 giấy nộp tiền giả đã bị áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự, không áp dụng tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên bị cáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã ly hôn năm 2015, hiện nay đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, việc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung, đồng thời cũng thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Về hình phạt bổ sung: ngoài hình phạt chính, theo khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và tài sản:

Đối với hồ sơ của ông Hoàng D, Công an thành phố Cao Bằng đã tạm giữ để điều tra và chuyển theo hồ sơ vụ án. Xét thấy hồ sơ của ông Hoàng D đã hoàn thiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà Nước, không ảnh hưởng đến việc truy tố xét xử nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã trả cho ông Hoàng D.

Số tài liệu tạm giữ của bị cáo Hoàng Thị Thu H chuyển theo hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa bị cáo H xin được trả lại số tài liệu này. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

Hành vi của bị cáo H thực hiện được là do cán bộ Chi cục thuế thành phố Cao Bằng là Hà Minh H (sinh 1987, trú tại tổ M, phường Đ, thành phố C) và cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố C là Vũ Thị Tú A (sinh 1986; trú tại tổ C, phường S, thành phố C) khi thực hiện nhiệm vụ không tuân thủ đúng quy tắc nghề nghiệp, không tuân thủ đúng kỷ luật, quy trình làm việc nên H mới thực hiện trót lọt hành vi phạm tội. Cụ thể khi H mang giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước đến nộp, thì H và Tú A khi tiếp nhận giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước cần phải đối chiếu với bản gốc, nhưng do tin tưởng nên đã chấp nhận và hoàn thiện hồ sơ cho H. Hành vi trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ quản có hình thức xử lý vi phạm đối với Hà Minh H và Vũ Thị Tú A theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chờ để giúp người khác hoàn thiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, H đã sử dụng số tiền trên vào việc sửa chữa nhà cửa. Số tiền này H đã nộp hết vào ngân sách nhà nước. Tại phiên tòa H khẳng định không có mục đích chiếm đoạt số tiền này vì H biết hàng tháng Chi cục Thuế thành phố C và Kho bạc nhà nước, Ngân hàng TMCP C chi nhánh Cao Bằng phải tra soát

tiền nộp ngân sách nhà nước nên sẽ bị phát hiện. Do vậy, hành vi của H không đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174, 175 Bộ luật hình sự, nên không có căn cứ để xử lý về hành vi trên.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Hoàng Thị Thu H phạm tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

Xử phạt: bị cáo Hoàng Thị Thu H 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/01/2019).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và tài sản:

Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo:

- 01 bản chính Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 11/6/2018.
- 01 bản phô tô tờ khai tiền sử dụng đất ngày 21/5/2018;
- 01 Quyết định về việc giảm tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân số 271/QĐ-CCT ngày 11/6/2018.

Xác nhận Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã tạm giữ theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 31/7/2018 và chuyển theo hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hoài Phương